

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN**  
**ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC**

*(Thực hiện Thông tư số 27/2020/TT -BGDDT*

*ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

*(Lưu hành nội bộ)*

**Hà Nội, tháng 10 năm 2020**

# MỤC LỤC

## I. QUAN ĐIỂM VỀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC NHẪM PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

1. Kế thừa Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT

2. Đảm bảo phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông 2018 thông qua một số điểm mới nổi bật được quy định trong Thông tư

## II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NHẪM PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC

1. Mục đích đánh giá học sinh tiểu học

2. Các yêu cầu đánh giá học sinh tiểu học

3. Nội dung đánh giá

4. Phương pháp đánh giá học sinh tiểu học

## III. ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN

1. Quy định về đánh giá thường xuyên nêu trong Thông tư 27

2. Đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập, rèn luyện của học sinh

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực học sinh

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

5. Ví dụ minh họa

## IV. ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

1. Quy định về đánh giá định kì quy định trong Thông tư 27

2. Đánh giá định kì

3. Ví dụ minh họa

## V. SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ

1. Tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục

2. Hồ sơ đánh giá

3. Xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học

4. Nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh

5. Khen thưởng

## **VI. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Đối với giáo viên
2. Đối với hiệu trưởng nhà trường
3. Đối với phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo

## **I. QUAN ĐIỂM VỀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC NHẪM PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC**

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu rõ: “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo”, “Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và xã hội”.

Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông xác định rõ: “Đổi mới căn bản phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực học sinh”.

Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW nêu rõ định hướng về đánh giá HS là: “Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả theo hướng đánh giá năng lực người học; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối kỳ học, cuối năm học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển”.

Triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học, theo đó nội dung nổi bật của Thông tư này là tập trung vào đánh giá quá trình, coi trọng đánh giá thường xuyên bằng nhận xét. Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ra đời là sự hiện thực hóa tinh thần đổi mới của Nghị quyết 29-NQ/TW: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”; thực hiện giải pháp “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, và đánh giá chất lượng giáo dục, bảo đảm trung thực, khách quan”. Tuy nhiên, sau 02 năm triển khai Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT bộc lộ một số điểm bất cập và được Bộ GDĐT ban hành Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành theo số 30/2014/TT-BGDĐT. Theo đó, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT quy định về đánh giá học sinh tiểu học tường minh hơn, cụ thể hơn; giúp cho giáo viên dễ dàng hơn trong việc đánh giá học sinh; giúp cho phụ huynh có cơ hội nắm bắt được rõ ràng hơn mức độ đạt được của con em mình, từ đó kịp thời phối hợp với nhà trường trong quá trình giáo dục học sinh.

Về cơ bản Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT tiếp nối tinh thần nhân văn của Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, *đánh giá phải vì sự tiến bộ của học sinh hay đánh giá để phát triển học tập, đánh giá như là hoạt động học tập, nhưng làm rõ cơ sở khoa học của hai phương thức đánh giá thường xuyên bằng nhận xét và đánh giá định kỳ bằng điểm số.* Đồng thời sửa đổi những điểm bất cập, giúp làm giảm đáng kể áp lực (bỏ việc phải ghi nhận xét hàng tháng, từng học sinh vào Sổ chất lượng giáo dục), giúp lượng hóa trong đánh giá thường xuyên học sinh tiểu học.

Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT bổ sung quy định lượng hóa kết quả học tập theo yêu cầu môn học dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng theo 3 mức: *Hoàn Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Chưa hoàn thành* đối với từng môn học (trước đây theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT chỉ có hai mức: Hoàn thành và Chưa hoàn thành). Việc lượng hóa theo 3 mức này được giáo viên thực hiện vào giữa kỳ và cuối mỗi học kỳ, sẽ kịp thời cung cấp những thông tin phản hồi rất hữu ích giúp học sinh biết mình tiến bộ ra sao, những lĩnh vực nào có sự tiến bộ, lĩnh vực học tập nào có khó khăn. Đồng thời, giúp học sinh nhận ra mình thiếu hụt những gì so với chuẩn kiến thức, kỹ năng hay yêu cầu, mục tiêu bài học để cả giáo viên và học sinh cùng điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT cũng bổ sung quy định lượng hóa kết quả giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực. Trên cơ sở quá trình đánh giá thường xuyên diễn ra hàng ngày, hàng tuần... đến giữa và cuối mỗi học kỳ, giáo viên chủ nhiệm lớp lượng hóa từng năng lực, phẩm chất thành ba mức: *Tốt, Đạt, Cần cố gắng* (trước đây theo thông tư 30 chỉ có 2 mức Đạt và Chưa đạt). Việc lượng hóa này, cho phép giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cha mẹ học sinh xác định được mức độ hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện. Từ đó giáo viên, nhà trường có những giải pháp kịp thời giúp đỡ học sinh khắc phục hạn chế, phát huy những điểm tích cực để các em ngày một tiến bộ hơn.

Triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, ngày 26/12/2018 Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Chương trình giáo dục phổ thông kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) bắt đầu thực hiện từ năm học 2020-2021, trong đó tác động trực tiếp đến nội dung

và phương thức đánh giá, tập trung vào đánh giá phẩm chất, năng lực của học sinh. Đối với nội dung đánh giá, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đề ra quan điểm về đánh giá giáo dục như sau: “Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học và chuyên đề học tập lựa chọn và môn học tự chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh. Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kỳ ở cơ sở giáo dục...”

Để thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên cơ sở kế thừa và đổi mới về nội dung, hình thức tổ chức triển khai đánh giá học sinh tiểu học đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, ngày 04/9/2020 Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về việc quy định đánh giá học sinh tiểu học, trong đó khẳng định “*Đánh giá học sinh tiểu học* là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh tiểu học.” và đảm bảo tính kế thừa, đổi mới như sau:

### **1. Kế thừa Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT**

- Tiếp tục thực hiện quan điểm đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

- Đảm bảo đánh giá học sinh tiểu học theo quá trình, gồm các hình thức như đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ và đánh giá tổng hợp. Trong đó, giữ quy

định đánh giá thường xuyên bằng nhận xét và giáo viên được chủ động khi nào nhận xét bằng lời, khi nào viết nhận xét cho phù hợp.

- Giúp cha mẹ học sinh nắm bắt mức độ học tập, rèn luyện của học sinh, thông qua việc đảm bảo đánh giá định kỳ bằng lượng hóa thành các mức: “Hoàn thành tốt”, “Hoàn thành”, “Chưa hoàn thành” đối với từng môn học và hoạt động giáo dục; “Tốt”, “Đạt”, “Cần cố gắng” đối với từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi tại thời điểm giữa và cuối mỗi học kỳ.

## **2. Đảm bảo phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông 2018 thông qua một số điểm mới nổi bật được quy định trong Thông tư**

- Đảm bảo đánh giá các nội dung theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 về các môn học/hoạt động giáo dục, phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi (những năng lực chung và những năng lực đặc thù).

- Bổ sung nội dung về phương pháp, kỹ thuật và một số công cụ đánh giá, đảm bảo đúng thành phần theo lý thuyết khoa học về đánh giá, gồm: phạm vi, đối tượng, nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp, kỹ thuật và quy trình đánh giá. Ngoài ra, quy định này giúp định hướng cho giáo viên các phương pháp, cách thức tiến hành trong quá trình đánh giá học sinh, phù hợp với lứa tuổi tiểu học và cụ thể hoá Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Các câu hỏi/bài tập trong bài kiểm tra định kỳ, được thể hiện bằng 03 mức độ thay vì 04 mức độ như hiện hành theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT, nhằm đảm bảo thống nhất với cách tiếp cận của các cấp học trên và các nước tiên tiến trên thế giới và tạo thuận lợi cho giáo viên trong quá trình biên soạn các câu hỏi/bài tập để xây dựng đề kiểm tra định kỳ.

- Quy định về “tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục”, “hồ sơ đánh giá”, cũng là những điểm mới của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT. Điều này nhằm tường minh hoá quá trình đánh giá, đồng thời đảm bảo kết cấu chặt chẽ, hợp logic về mặt hình thức, tạo thành quy trình hoàn chỉnh trong đánh giá gồm đủ các hình thức: đánh giá thường xuyên; đánh giá định kỳ; tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục; sử dụng kết quả đánh giá. Trong đó, lưu tâm đến quy định hồ sơ, học bạ điện tử được sử dụng tại mỗi cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT cụ thể hoá việc viết trên giấy khen nhằm khắc phục hạn chế tiêu cực về việc khen thưởng; chỉ khen thưởng những học sinh thực sự xuất sắc và xứng đáng, được tập thể lớp công nhận. Theo đó, đối với việc

khen thưởng cuối năm học chỉ sử dụng danh hiệu Học sinh Xuất sắc cho những học sinh được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức Hoàn thành xuất sắc và danh hiệu Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện cho những học sinh được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt, đồng thời có thành tích xuất sắc về ít nhất một môn học hoặc có tiến bộ rõ rệt ít nhất một phẩm chất, năng lực; được tập thể lớp công nhận. Hình thức viết trên giấy khen vào cuối năm học được ghi theo danh hiệu đạt được nên tạo thuận lợi cho giáo viên và khắc phục một số hạn chế hiện nay.

Bên cạnh đó, Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT quy định hình thức “thư khen”, cụ thể “*Cán bộ quản lý và giáo viên có thể gửi thư khen cho những học sinh có thành tích, cố gắng trong quá trình học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực hoặc có những việc làm tốt*” nhằm động viên kịp thời những học sinh có thành tích, cố gắng trong quá trình học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực hoặc có những việc làm tốt. Điều này, giúp các em có thêm động lực cùng nhau rèn luyện tu dưỡng đạo đức, trau dồi kiến thức để không ngừng tiến bộ.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NHẪM PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC**

### **1. Mục đích đánh giá học sinh tiểu học**

Có thể nói rằng, bất kỳ khâu nào của quản lý giáo dục cũng cần tới đánh giá. Không có đánh giá thì hệ thống quản lý giáo dục sẽ trở thành một hệ thống một chiều, không có cơ chế phản ánh trở lại, tức là chỉ có chiều đi mà không có chiều về. Đây là một cơ chế quản lý không khoa học, không hoàn thiện.

Chỉ khi có đánh giá, quản lý giáo dục mới nhận được phản hồi, mới kịp thời phát hiện ra các vấn đề và giải quyết chúng. Giáo dục là một hệ thống quản lý hai chiều nên có thể nói đánh giá là một nhân tố đảm bảo cho quản lý giáo dục có tính khoa học và hoàn thiện.

Xét trên tầm vĩ mô, đánh giá trong giáo dục là một biện pháp quan trọng nhằm đổi mới giáo dục. Nghị quyết số 29-NQ/TW yêu cầu: “*Đổi mới căn bản, hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan*”. Trong bối cảnh của Việt Nam, việc chuyển từ thực trạng chú trọng đo lường bằng điểm số kết quả tiếp thu kiến thức sang đánh giá



toàn diện phẩm chất và năng lực học sinh sẽ có tác động đến tất cả các yếu tố khác của chương trình giáo dục phổ thông (mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục).

Xét ở tầm vi mô, kết quả đánh giá giúp các cán bộ quản lý nhà trường có những điều chỉnh, thay đổi cần thiết trong việc xây dựng và tổ chức quá trình giáo dục như: điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường; quản lý, chỉ đạo xây dựng và thực hiện nội dung giáo dục; quản lý đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá; huy động các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; thực hiện trách nhiệm giải trình, công khai chất lượng giáo dục;...

Đối với trường tiểu học, đổi mới đánh giá có thể coi là một khâu đột phá quan trọng của quá trình dạy học, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; xác định mức độ đạt được mục tiêu của quá trình dạy học và góp phần trực tiếp thúc đẩy và hoàn thiện quá trình dạy học. Chính vì vậy, ở cấp tiểu học, mục đích đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, xác định được thành tích học tập, rèn luyện theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể như sau:

- Giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục trong quá trình dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh nhằm động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

- Giúp học sinh có khả năng tự nhận xét, tham gia nhận xét; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ.

- Giúp cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh) tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

- Giúp cán bộ quản lý giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

- Giúp các tổ chức xã hội nắm thông tin chính xác, khách quan, phát huy nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển giáo dục.

## **2. Các yêu cầu đánh giá học sinh tiểu học**

Theo một số quan điểm về đánh giá thì kết quả đánh giá phải cung cấp được những thông tin hữu ích, chính xác cho những đối tượng liên quan để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn. Để đảm bảo được vai trò này, quá trình đánh giá cũng cần phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản đó là:

- *Đảm bảo tính giá trị.* Việc đánh giá phẩm chất, năng lực, các môn học/hoạt động giáo dục bắt đầu với những giá trị giáo dục. Đánh giá không phải là sự kết thúc trong chính nó mà là một phương tiện để cải thiện chất lượng và hiệu quả giáo dục. Có nghĩa là cần xác định các giá trị mang lại cho các đối tượng liên quan sau khi thực hiện quá trình đánh giá, ví dụ như cung cấp những thông tin phản hồi để giúp mỗi cá nhân tự cải thiện một phẩm chất, năng lực hoặc môn học/hoạt động giáo dục nào đó.

- *Đảm bảo tính toàn diện và linh hoạt.* Việc đánh giá phẩm chất, năng lực, môn học/hoạt động giáo dục hiệu quả nhất khi phản ánh được sự hiểu biết đa chiều, tích hợp, về bản chất của các hành vi được bộc lộ theo thời gian. Phẩm chất, năng lực, các môn học/hoạt động giáo dục là một tổ hợp, đòi hỏi không chỉ sự hiểu biết mà là làm được những từ những điều tiếp nhận được; điều này bao gồm không chỉ có kiến thức, khả năng mà còn là giá trị, thái độ và thói quen hành vi ảnh hưởng đến mọi hoạt động. Do vậy, đánh giá cần phản ánh những hiểu biết bằng cách sử dụng đa dạng các phương pháp nhằm mục đích mô tả một “bức tranh” hoàn chỉnh hơn và chính xác phẩm chất, năng lực, mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt về môn học/hoạt động giáo dục của người được đánh giá.

- *Đảm bảo tính công bằng và tin cậy:* công cụ đánh giá không có sự thiên vị cho các đối tượng (giới, dân tộc, vùng miền, đối tượng,...); cách phân tích, xử lý kết quả không bị ảnh hưởng bởi các mối quan hệ cá nhân; kết quả đánh giá ổn

định, chính xác, không bị phụ thuộc vào người đánh giá, những nhiệm vụ ở các nội dung đánh giá khác nhau. Kết quả đánh giá phải thống nhất khi được lặp đi lặp lại nhiều lần.

- *Đánh giá cần quan tâm đến cả kết quả và những trải nghiệm của học sinh để có được kết quả đó.* Không thể phủ nhận tầm quan trọng của thông tin về kết quả học tập. Tuy nhiên, để cải thiện kết quả, chúng ta cần phải biết về những trải nghiệm của đối tượng đang được đánh giá để từ đó có thể xác định hiệu quả của hoạt động, lý giải được kết quả mà học sinh đạt được. Đánh giá có thể giúp chỉ ra những điều kiện để cá nhân đạt kết quả tốt hơn; phát huy khả năng tự cải thiện của học sinh trong hoạt động đó.

- *Đánh giá trong bối cảnh thực tiễn và vì sự phát triển của học sinh được đánh giá.* Đánh giá tốt nhất khi hoạt động đó đang diễn ra, không đợi đến khi nó kết thúc. Đánh giá là một quá trình mà độ tin cậy thể hiện qua sự tích lũy các thông tin minh chứng. Kết quả đánh giá sẽ có giá trị hơn khi các hoạt động mà chúng ta đánh giá được liên kết lại theo trình tự thời gian.

Chính vì vậy, trong quá trình triển khai đánh giá học sinh tiểu học cần đảm bảo một số yêu cầu như sau:

- Đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kỳ bằng điểm số kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.

- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

### **3. Nội dung đánh giá học sinh tiểu học**

a) Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học.

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh thông qua những phẩm chất chủ yếu và những năng lực cốt lõi như sau:

- Những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Những năng lực cốt lõi:

+ Những năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo;

+ Những năng lực đặc thù: ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

#### **4. Phương pháp đánh giá học sinh tiểu học**

Một số phương pháp đánh giá thường được sử dụng trong quá trình đánh giá học sinh gồm:

**a) Phương pháp quan sát:** Giáo viên theo dõi, lắng nghe học sinh trong quá trình giảng dạy trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của học sinh để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

Quan sát là nhóm phương pháp chủ yếu mà giáo viên thường sử dụng để thu thập dữ liệu kiểm tra đánh giá. Quan sát bao hàm việc theo dõi hoặc xem xét học sinh thực hiện các hoạt động (quan sát quá trình) hoặc nhận xét một sản phẩm do học sinh làm ra (quan sát sản phẩm).

*Quan sát quá trình:* đòi hỏi trong thời gian quan sát, giáo viên phải chú ý đến những hành vi của học sinh như: sự tương tác (tranh luận, chia sẻ các suy nghĩ, biểu lộ cảm xúc...) giữa các học sinh với nhau trong nhóm, nói chuyện riêng trong lớp, bắt nạt các học sinh khác, mất tập trung, có vẻ mặt căng thẳng, lo lắng, lúng túng,... hay hào hứng, giơ tay phát biểu trong giờ học, ngồi im thụ động hoặc không ngồi yên được quá ba phút...

*Quan sát sản phẩm:* Học sinh phải tạo ra sản phẩm cụ thể, là bằng chứng của

sự vận dụng các kiến thức đã học. Những sản phẩm rất đa dạng: bài luận ngắn, bài tập nhóm, báo cáo ghi chép/bài tập môn khoa học, báo cáo khoa học, báo cáo thực hành, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, vẽ một bức tranh tĩnh vật, tạo ra được một dụng cụ thực hành/ thí nghiệm... Học sinh phải tự trình bày sản phẩm của mình, còn giáo viên đánh giá sự tiến bộ hoặc xem xét quá trình làm ra sản phẩm đó. Giáo viên sẽ quan sát và cho ý kiến đánh giá về sản phẩm, giúp các em hoàn thiện sản phẩm.

Một số quan sát được tiến hành *có chủ định và định trước*, như trong trường hợp giáo viên đánh giá học sinh khi các em đọc bài trong nhóm tập đọc hoặc trình bày một báo cáo trước lớp. Trong những tình huống như thế, giáo viên có thể quan sát *một tập hợp các hành vi ứng xử* của học sinh. Ví dụ, khi học sinh đọc bài trước lớp, giáo viên có thể theo dõi và lắng nghe xem học sinh phát âm có rõ ràng không, có thường xuyên ngược lên nhìn trong khi đọc hay không, có thể hiện sự tự tin hay không... Những quan sát như thế đã được định sẵn nên giáo viên có thời gian để chuẩn bị cho học sinh và xác định trước từng hành vi cụ thể nào sẽ được quan sát.

Một số các quan sát khác của giáo viên lại *không chủ định và ngẫu nhiên*, như khi giáo viên thấy hai học sinh nói chuyện thay vì thảo luận bài học, nhận thấy một em học sinh có biểu hiện tổn thương khi bị bạn cùng lớp trêu chọc về quần áo của mình, hoặc nhìn thấy một học sinh bồn chồn, ngồi không yên và luôn nhìn ra cửa sổ trong suốt giờ khoa học... Những quan sát tự phát như thế, dựa trên những bất gặp bất chợt khi “quan sát học sinh”, phản ánh những chuyện xảy ra thoáng qua không định sẵn mà giáo viên ghi nhận được và phải suy nghĩ, diễn giải. Các quan sát chủ định và ngẫu nhiên của giáo viên đều là những kỹ thuật thu thập thông tin quan trọng trong lớp học.

***b) Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh:*** Giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của học sinh, từ đó đánh giá học sinh theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

- Đánh giá qua hồ sơ học tập là việc giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của học sinh, từ đó đánh giá học sinh theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

Hồ sơ học tập là tài liệu minh chứng cho sự tiến bộ của học sinh, trong đó học sinh tự đánh giá về bản thân, nêu những điểm mạnh, điểm yếu, sở thích của

mình, tự ghi lại kết quả học tập trong quá trình học tập của mình, tự đánh giá đối chiếu với mục tiêu học tập đã đặt ra để nhận ra sự tiến bộ hoặc chưa tiến bộ, tìm nguyên nhân và cách khắc phục trong thời gian tiếp theo,... Hồ sơ học tập là một bằng chứng về những điều học sinh đã tiếp thu được.

Hồ sơ học tập được sử dụng để xác định và điều chỉnh quá trình học tập của học sinh cũng như đánh giá hoạt động và mức độ đạt được. Tùy mục tiêu dạy học mà giáo viên có thể yêu cầu học sinh xây dựng các loại hồ sơ học tập khác nhau nhằm mục đích như: tự xây dựng kế hoạch học tập, xác định mục tiêu, động cơ học tập, tự đánh giá,...

Đánh giá qua hồ sơ là sự theo dõi, trao đổi những ghi chép, lưu giữ của chính học sinh về những gì các em đã nói, đã làm, cũng như ý thức, thái độ của học sinh với quá trình học tập của mình cũng như với mọi người... Qua đó giúp học sinh thấy được những tiến bộ của mình và giáo viên thấy được khả năng của từng học sinh, từ đó giáo viên sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp hoạt động dạy học và giáo dục.

- Sản phẩm học tập là kết quả của hoạt động học tập của học sinh, là bằng chứng của sự vận dụng kiến thức, kĩ năng mà học sinh đã có. Thông qua sản phẩm học tập, giáo viên đánh giá sự tiến bộ của học sinh, đánh giá quá trình tạo ra sản phẩm và đánh giá mức độ đạt được các năng lực của học sinh.

**c) Phương pháp vấn đáp:** Giáo viên trao đổi với học sinh thông qua việc hỏi-đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

Vấn đáp thuộc nhóm phương pháp chủ yếu mà giáo viên thường sử dụng để thu thập dữ liệu trong kiểm tra đánh giá trên lớp thông qua việc hỏi-đáp. Đây là phương pháp giáo viên đặt câu hỏi và học sinh trả lời câu hỏi (hoặc ngược lại), nhằm rút ra những kết luận, những tri thức mới mà học sinh cần nắm, hoặc nhằm tổng kết, củng cố, kiểm tra mở rộng, đào sâu những tri thức mà học sinh đã học. Phương pháp vấn đáp cung cấp rất nhiều thông tin chính thức và không chính thức về học sinh.

Tùy theo vị trí của phương pháp vấn đáp trong quá trình dạy học, cũng như tùy theo mục đích, nội dung của bài học, người ta phân biệt những dạng vấn đáp cơ bản sau:

– *Vấn đáp gợi mở:* là hình thức giáo viên khéo léo đặt những câu hỏi gợi mở

dẫn dắt học sinh suy nghĩ, rút ra những nhận xét, những kết luận cần thiết từ những sự kiện đã quan sát được hoặc những tài liệu đã học được, được sử dụng khi cung cấp tri thức mới.

Giáo viên sử dụng phương pháp này để dẫn dắt học sinh, giúp học sinh tự tìm ra lời giải thích hợp lý. Ví dụ: Điều gì sẽ xảy ra nếu trái đất ngừng quay?

Hình thức này có tác dụng khơi dậy tính tích cực của học sinh rất mạnh, nhưng cũng đòi hỏi giáo viên phải khéo léo, tránh đi đường vòng, lan man, xa vấn đề.

– *Vấn đáp củng cố*: được sử dụng sau khi giảng tri thức mới, giúp học sinh củng cố được những tri thức cơ bản nhất và hệ thống hoá chúng: mở rộng và đào sâu những tri thức đã thu lượm được, khắc phục tính thiếu chính xác của việc nắm tri thức.

– *Vấn đáp tổng kết*: được sử dụng khi cần dẫn dắt học sinh khái quát hoá, hệ thống hoá những tri thức đã học sau một vấn đề, một phần, một chương hay một môn học nhất định. Dạng vấn đáp này giúp học sinh phát triển năng lực khái quát hoá, hệ thống hoá, tránh nắm bắt những đơn vị tri thức rời rạc – giúp cho các em phát huy tính mềm dẻo của tư duy.

– *Vấn đáp kiểm tra*: được sử dụng trước, trong và sau giờ giảng hoặc sau một vài bài học, giúp giáo viên kiểm tra tri thức học sinh một cách nhanh gọn kịp thời để có thể bổ sung, củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Điều này cũng giúp học sinh tự kiểm tra tri thức của bản thân.

– *Vấn đáp trong đánh giá năng lực và phẩm chất*: được sử dụng trong các hoạt động trải nghiệm thực tế, các cuộc thi tìm hiểu (như trò chơi rung chuông vàng, đường lên đỉnh Olympia...). Ví dụ: sau một hoạt động trải nghiệm, học sinh được yêu cầu trả lời một số câu hỏi (Điều bổ ích nhất qua hoạt động trải nghiệm này là gì?... những điều gì cần rút kinh nghiệm?) hoặc yêu cầu học sinh đưa ra một số các câu hỏi/kiến nghị...

Như vậy là tùy vào mục đích và nội dung bài học, giáo viên có thể sử dụng một trong bốn hoặc cả bốn dạng vấn đáp nêu trên. Ví dụ: Khi dạy bài mới, giáo viên dùng dạng vấn đáp gợi mở: sau khi đã cung cấp tri thức mới, dùng vấn đáp củng cố để đảm bảo học sinh nắm chắc và đầy đủ tri thức; cuối giờ, dùng vấn đáp kiểm tra để có thông tin ngược kịp thời từ phía học sinh.

**d) Phương pháp kiểm tra viết:** Giáo viên sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

Kiểm tra viết đề cập đến phương pháp kiểm tra, đánh giá mà giáo viên sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo năng lực, trong đó học sinh viết câu trả lời cho các câu hỏi hoặc vấn đề vào giấy để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá. Đây chính là nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kiểu truyền thống. Khi học sinh làm một bài kiểm tra trắc nghiệm đa lựa chọn, hoàn thành một bài tập về nhà dạng viết luận, viết một bản báo cáo, vẽ một bức tranh, viết một bài luận, hoặc điền vào một bảng ma trận ghi nhớ, bảng ma trận đặc trưng..., tức là các em đang cung cấp các chứng cứ bằng giấy mực cho giáo viên. Một trong các kỹ thuật đánh giá thường xuyên bằng phương pháp viết phổ biến nhất là cho học sinh làm bài kiểm tra viết với hai hình thức phổ biến: trắc nghiệm đa lựa chọn và tự luận.

Các câu hỏi trắc nghiệm đa lựa chọn, câu hỏi kiểm tra đúng-sai và câu hỏi kiểm tra ghép đôi được gọi là câu hỏi chọn lựa (câu hỏi đóng), bởi vì như tên của nó đã ngụ ý, học sinh phải trả lời cho mỗi câu hỏi bằng cách chọn một câu trả lời từ các tùy chọn cho sẵn. Câu hỏi dạng mở đòi hỏi học sinh phải tự trả lời. Độ dài của câu trả lời có thể thay đổi đáng kể. Ví dụ yêu cầu viết bài tự luận bắt buộc học sinh phải trả lời dài và chi tiết, còn với bài “điền vào chỗ trống” hay một câu trả lời ngắn chỉ yêu cầu học sinh trả lời bằng một từ hay một cụm từ. Câu hỏi dạng cung cấp thông tin đa chiều, thông tin tổng hợp, phức tạp, bộ sưu tập bài làm, thí nghiệm khoa học, và báo cáo chủ đề trong lớp, thường được qui thành đánh giá kỹ năng thực hành. Chú ý các câu hỏi đóng thuộc loại lựa chọn cho phép người ra đề được quyền kiểm soát tuyệt đối vì người ra đề định ra cả câu hỏi lẫn các tùy chọn để trả lời. Câu hỏi thuộc loại mở cho phép người ra đề chỉ kiểm soát được phần câu hỏi vì trách nhiệm trả lời thuộc về học sinh.

### **III. ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN**

#### **1. Quy định về đánh giá thường xuyên**

1.1. Khoản 2 Điều 2 nêu: *Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện*



*cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và một số biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh, để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.*

1.2. Điều 5 nêu nội dung và một số phương pháp đánh giá:

*“1. Nội dung đánh giá*

*a) Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.*

*b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh thông qua những phẩm chất chủ yếu và những năng lực cốt lõi như sau:*

*- Những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.*

*- Những năng lực cốt lõi:*

*+) Những năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo;*

*+) Những năng lực đặc thù: ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.*

*2. Phương pháp đánh giá*

*Một số phương pháp đánh giá thường được sử dụng trong quá trình đánh giá học sinh gồm:*

*a) Phương pháp quan sát: Giáo viên theo dõi, lắng nghe học sinh trong quá trình giảng dạy trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của học sinh để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.*

*b) Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh: Giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của học sinh, từ đó đánh giá học sinh theo từng nội dung đánh giá có liên quan.*

*c) Phương pháp vấn đáp: Giáo viên trao đổi với học sinh thông qua việc hỏi-đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.*

*d) Phương pháp kiểm tra viết: Giáo viên sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình*

*thức trực nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trực nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá”.*

## **2. Đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập, rèn luyện của học sinh**

*2.1. Đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập, rèn luyện của học sinh* được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và các hoạt động giáo dục khác, trong đó bao gồm cả quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

- Trong đánh giá thường xuyên, giáo viên sử dụng các kỹ thuật quan sát, theo dõi; trao đổi, phỏng vấn; kiểm tra nhanh (phiếu, vở); nhận xét (lời, viết)...

- Trong đánh giá thường xuyên, giáo viên ghi những nhận xét đáng chú ý nhất vào sổ theo dõi chất lượng giáo dục, những kết quả học sinh đã đạt được hoặc chưa đạt được; biện pháp cụ thể giúp học sinh vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân, nhóm học sinh trong học tập, rèn luyện.

*2.2. Tham gia đánh giá thường xuyên hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập* theo yêu cầu cần đạt từng môn học, hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học gồm: giáo viên, học sinh (tự đánh giá và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích sự tham gia đánh giá của cha mẹ học sinh.

*2.3. Để thực hiện đánh giá thường xuyên trong quá trình tổ chức dạy học* từng giờ học, căn cứ vào đặc điểm và yêu cầu cần đạt của bài học, của mỗi hoạt động mà học sinh phải thực hiện trong bài học, giáo viên tiến hành một số việc như sau:

- Quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh, nhóm học sinh theo tiến trình dạy học;

- Nhận xét bằng lời nói trực tiếp với học sinh hoặc viết nhận xét vào phiếu, vở của học sinh về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được; mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức; mức độ thành thạo các thao tác, kỹ năng cần thiết, phù hợp với yêu cầu của bài học, hoạt động của học sinh;

- Quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của học sinh; áp dụng biện pháp cụ thể để kịp thời giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn. Do năng lực của học

sinh không đồng đều nên có thể chấp nhận sự khác nhau về thời gian, mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

### 3. Đánh giá thường xuyên phẩm chất, năng lực học sinh

#### 3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực

##### a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất

<b>Phẩm chất</b>	<b>Yêu cầu cần đạt cấp tiểu học</b>
<b>Yêu nước</b>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.</li> <li>– Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước.</li> <li>– Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước.</li> </ul>
<b>Nhân ái</b>	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình.</li> <li>– Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè.</li> <li>– Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ.</li> <li>– Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.</li> </ul>
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình.</li> <li>– Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn.</li> <li>– Sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn.</li> </ul>
<b>Chăm chỉ</b>	
Ham học	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đi học đầy đủ, đúng giờ.</li> <li>– Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.</li> <li>– Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết.</li> <li>– Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường</li> </ul>

<b>Phẩm chất</b>	<b>Yêu cầu cần đạt cấp tiểu học</b>
	vào đời sống hằng ngày.
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân.</li> <li>– Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.</li> </ul>
<b>Trung thực</b>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.</li> <li>– Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt.</li> <li>– Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác.</li> <li>– Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.</li> </ul>
<b>Trách nhiệm</b>	
Có trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe.</li> <li>– Có ý thức sinh hoạt nề nếp.</li> </ul>
Có trách nhiệm với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình.</li> <li>– Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình.</li> </ul>
Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công.</li> <li>– Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau.</li> <li>– Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng.</li> <li>– Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.</li> <li>– Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.</li> </ul>
Có trách	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích.</li> </ul>

<b>Phẩm chất</b>	<b>Yêu cầu cần đạt cấp tiểu học</b>
nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.</li> <li>– Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.</li> </ul>

*b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung*

<b>Năng lực</b>	<b>Cấp tiểu học</b>
<b>Tự chủ và tự học</b>	
Tự lực	Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Có ý thức về quyền và mong muốn của bản thân; bước đầu biết cách trình bày và thực hiện một số quyền lợi và nhu cầu chính đáng.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác.</li> <li>– Hoà nhã với mọi người; không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác.</li> <li>– Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.</li> </ul>
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề.</li> <li>– Thực hiện được các nhiệm vụ khác nhau với những yêu cầu khác nhau.</li> </ul>
Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Bộc lộ được sở thích, khả năng của bản thân.</li> <li>– Biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình.</li> </ul>

<b>Năng lực</b>	<b>Cấp tiểu học</b>
Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học.</li> <li>– Nhận ra và sửa chữa sai sót trong bài kiểm tra qua lời nhận xét của thầy cô.</li> <li>– Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.</li> <li>– Có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt.</li> </ul>
<b>Giao tiếp và hợp tác</b>	
Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân.</li> <li>– Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản.</li> <li>– Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.</li> <li>– Tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp.</li> </ul>
Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn.</li> <li>– Nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn.</li> </ul>
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân	Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp.

<b>Năng lực</b>	<b>Cấp tiểu học</b>
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả nhóm; tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của thầy cô.
Hội nhập quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới.</li> <li>– Biết tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế theo hướng dẫn của nhà trường.</li> </ul>
<b>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn.</li> <li>– Nhận xét được ý nghĩa của các hoạt động.</li> </ul>
Tư duy độc lập	Nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh; không ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng; sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót.

*c) Biểu hiện cụ thể của năng lực đặc thù*

Ví dụ: môn Toán góp phần hình thành và phát triển cho học sinh năng lực toán học (biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán) bao 05 thành phần cốt lõi sau:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học;
- Năng lực mô hình hoá toán học;
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học;
- Năng lực giao tiếp toán học;
- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

*Yêu cầu cần đạt cho cấp tiểu học được thể hiện trong bảng sau:*

<b>Thành phần năng lực</b>	<b>Yêu cầu cần đạt cấp tiểu học</b>
<p><b><i>Năng lực tư duy và lập luận toán học</i></b> thể hiện qua việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự; quy nạp, diễn dịch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.</li> <li>– Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.</li> <li>– Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. Bước đầu chỉ ra được chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lí lẽ trước khi kết luận.</li> </ul>
<p><b><i>Năng lực mô hình hoá toán học</i></b> thể hiện qua việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn</li> </ul>



Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt cấp tiểu học
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.</li> <li>– Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.</li> </ul>	<p>đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải quyết được những bài toán xuất hiện từ sự lựa chọn trên.</li> <li>– Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.</li> </ul>
<p><b>Năng lực giải quyết vấn đề toán học</b> thể hiện qua việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học.</li> <li>– Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề.</li> <li>– Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra.</li> <li>– Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.</li> <li>– Nêu được cách thức giải quyết vấn đề.</li> <li>– Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản.</li> <li>– Kiểm tra được giải pháp đã thực hiện.</li> </ul>
<p><b>Năng lực giao tiếp toán học</b> thể hiện qua việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản toán học hay do người khác nói hoặc viết ra.</li> <li>– Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản), từ đó nhận biết được vấn đề cần giải quyết.</li> <li>– Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được</li> </ul>

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt cấp tiểu học
<p>được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, kí hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic,...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng toán học trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác.</li> <li>– Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến toán học.</li> </ul>	<p>các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.</li> <li>– Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.</li> </ul>
<p><b>Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán</b> thể hiện qua việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các đồ dùng, phương tiện trực quan thông thường, phương tiện khoa học công nghệ (đặc biệt là phương tiện sử dụng công nghệ thông tin), phục vụ cho việc học Toán.</li> <li>– Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán, đặc biệt là phương tiện khoa học công nghệ để tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề toán học (phù</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, êke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc,...)</li> <li>– Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản.</li> <li>– Làm quen với máy tính cầm tay,</li> </ul>

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt cấp tiểu học
hợp với đặc điểm nhận thức lứa tuổi).  – Nhận biết được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.	phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ học tập.  – Nhận biết được (bước đầu) một số ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.

### **3.2. Đánh giá thường xuyên phẩm chất, năng lực học sinh**

a) Đánh giá thường xuyên phẩm chất, năng lực học sinh thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của học sinh.

b) Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét.

### **3.3. Đánh giá thường xuyên năng lực đặc thù**

a) Căn cứ vào yêu cầu cần đạt của các năng lực đặc thù của từng môn học, hoạt động giáo dục (đối với học sinh khi hoàn thành chương trình cấp tiểu học) nêu trong Chương trình môn học, hoạt động giáo dục, giáo viên vận dụng 3.2. để thu thập bằng chứng biểu hiện trong quá trình thực hiện các hành động của học sinh, đưa ra nhận xét để học sinh có thể phát huy, điều chỉnh để tiến bộ, phát triển.

b) Đánh giá thường xuyên năng lực đặc thù trong quá trình dạy học, chẳng hạn như môn Toán, chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Cụ thể:

– Đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học: có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như các câu hỏi (nói, viết), bài tập,... mà đòi hỏi học sinh phải trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức; phải vận dụng kiến thức toán học để giải thích, lập luận.

– Đánh giá năng lực mô hình hoá toán học: lựa chọn những tình huống trong thực tiễn làm xuất hiện bài toán toán học. Từ đó, đòi hỏi học sinh phải xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho

tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tiễn và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

– Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận dạng tình huống, phát hiện và trình bày vấn đề cần giải quyết; mô tả, giải thích các thông tin ban đầu, mục tiêu, mong muốn của tình huống vấn đề đang xem xét; thu thập, lựa chọn, sắp xếp thông tin và kết nối với kiến thức đã có; sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi người học vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát người học trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của người học (chẳng hạn sản phẩm của các dự án học tập); quan tâm hợp lý đến các nhiệm vụ đánh giá mang tính tích hợp.

– Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép (tóm tắt), phân tích, lựa chọn, trích xuất được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản nói hoặc viết; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường trong việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

– Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản, ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện học toán; trình bày được cách sử dụng (hợp lý) công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học.

Khi giáo viên lên kế hoạch bài học, cần thiết lập các tiêu chí và cách thức đánh giá để bảo đảm ở cuối mỗi bài học học sinh đạt được các yêu cầu cơ bản dựa trên các tiêu chí đã nêu, trước khi thực hiện các hoạt động học tập tiếp theo.

**3.4. Ví dụ minh họa** về đánh giá thường xuyên khi dạy học bài Các số 1, 2, 3 (4, 5) ở lớp 1.

Bài Các số 1, 2, 3 (4, 5) có yêu cầu cần đạt là: HS nhận dạng, đọc, viết được các số 1, 2, 3 (4, 5); đếm được các số từ 1 đến 3 (5) và từ (5) 3 đến 1.

\*) GV đánh giá:

- GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát hình vẽ trong SGK/ lấy khối lập phương nhỏ, nêu số lượng con vật, đồ vật; HS nêu số lượng con vật, đồ vật; GV nghe, quan sát học sinh nêu, chỉnh sửa cho HS cách nói phù hợp, ví dụ:

+ Nếu HS chỉ nói “một con mèo”, “một con cá” GV chỉnh sửa là: “em hãy nói có một con chim”, “có hai con chim”, “có ba bông hoa”; ...

+ GV có thể động viên: đúng rồi, em giỏi lắm, cô khen em; em nói đúng rồi, cả lớp khen bạn nào;

+ GV chỉnh sửa nếu em nói chưa đúng hoặc còn ngọng.

- HS đếm: 1 chấm tròn/ khối lập phương, 2 chấm tròn/ khối lập phương, 3 chấm tròn/ khối lập phương; đọc các số tương ứng: 1, 2 3; đếm 1, 2, 3; 3, 2, 1; GV có thể nhận xét:

+ Em đếm đúng, rõ ràng, cô khen em;

+ Bạn A đếm to, rõ, đúng, cả lớp cùng khen bạn nào;

+ Em có thể đếm lại được không?

- GV nêu yêu cầu với từng bài tập, hướng dẫn HS tìm số thích hợp/ viết các số 3 theo mẫu; quan sát HS viết, nhận xét, giúp đỡ và hướng dẫn:

+ Em viết số 2 chưa đẹp, em nên viết số 2 như sau: viết nét cong hở trái liền mạch với nét ngang; em viết số 3 rất đẹp;

+ Em viết lại số 3 nhé: nét cong hở trái ở trên nhỏ hơn nét cong hở trái ở dưới thì số 3 sẽ đẹp hơn;

+ Cô cầm tay giúp em viết số 3 cho đẹp nhé...

+ Em quan sát lại xem có mấy cái bút chì/ củ cà rốt? (nếu em đó nói số cái bút chì/ củ cà rốt chưa đúng);

+ Em viết các số rất đẹp;

+ Cô thấy các em viết số chỉ đồ vật vào ô trống rất đúng, cô khen cả lớp;

+ Cô cho cả lớp xem một số bài các bạn viết số đúng và rất đẹp...

- Trong quá trình theo dõi HS làm bài, GV quan sát vở HS và đánh dấu “đ” bằng mực đỏ vào những bài HS làm đúng cùng với lời khen, nhận xét: “Hôm này cô thấy các em làm bài tốt, cô khen cả lớp, vẫn còn một số bạn viết số chưa đẹp, viết bài chưa được sạch, giờ sau các em cố gắng hơn, có thể nhận xét vào một số vở: em cần viết số đẹp hơn, em cần giữ vở sạch hơn, em cần làm bài nhanh hơn...”

*\*) Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn:*

- Học sinh tự đánh giá ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, báo cáo kết quả với giáo viên:

+ Bạn nào viết xong bài 1 (làm xong bài 3) thì giơ tay (giơ bút, ngòi khoan tay, giơ thẻ...);

+ Ở bài tập ..., bạn H ghi số ..., những bạn nào có kết quả giống như bài làm của bạn H thì giơ tay.

- Học sinh tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ:

+ Bạn làm bài đúng rồi;

+ Bạn đọc số đúng, rõ ràng;

+ Bạn đọc số (5) chưa đúng, bạn đọc lại nhé: “năm”.

+ Bạn viết số rất đẹp;

+ Bạn viết số 3 bị ngược; bạn viết số 3 như cô hướng dẫn nhé.

+ Bạn cố gắng giữ vở sạch hơn.

...

## **IV. ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ**

### **1. Quy định về đánh giá định kì trong Thông tư 27**

**1.1. Khoản 3 Điều 3 quy định:** Đánh giá định kỳ là đánh giá kết quả giáo dục học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

#### **1.2. Điều 7 về Đánh giá định kỳ, quy định rõ:**

a) Đánh giá định kỳ về nội dung học tập các môn học, hoạt động giáo dục:

- Vào giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II và cuối năm học, giáo viên dạy môn học căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và yêu cầu cần đạt, biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục để đánh giá học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục theo các mức sau:

+ Hoàn thành tốt: thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục;

+ Hoàn thành: thực hiện được các yêu cầu học tập và có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục;

+ Chưa hoàn thành: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập hoặc chưa có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

- Vào cuối học kỳ I và cuối năm học, đối với các môn học bắt buộc: Tiếng Việt, Toán, Ngoại ngữ 1, Lịch sử và Địa lí, Khoa học, Tin học và Công nghệ có bài kiểm tra định kỳ;

Đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt, môn Toán vào giữa học kỳ I và giữa học kỳ II.

- Đề kiểm tra định kỳ phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

- Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kỳ không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác. Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kỳ I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên đề xuất với nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.

b) Đánh giá định kỳ về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực:

Vào giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II và cuối năm học, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên dạy cùng lớp, thông qua các nhận xét, các biểu hiện trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học sinh, đánh giá theo các mức sau:

- Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.

- Đạt: Đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.

- Cần cố gắng: Chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.

## **2. Đánh giá định kì**

2.1 ĐG định kì theo quy định này về học tập bằng lượng hóa ĐG sau mỗi giai đoạn học tập (giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học) thành các mức “Hoàn thành tốt”, “Hoàn thành”, “Chưa hoàn thành” được hiểu là qua quá trình quan sát, theo dõi, GV hướng dẫn, giúp đỡ, nắm bắt thông tin về quá trình thực hiện từng yêu cầu học tập đối với từng môn học hoặc hoạt động giáo dục của mỗi HS trong ĐG thường xuyên để GV xem xét:

- Trong quá trình học tập hàng ngày, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của mỗi bài học, nếu nhận thấy HS thường xuyên thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục thì ĐGHS đạt mức “Hoàn thành tốt”, chẳng hạn: đối với môn Toán, HS biết tiếp thu và hiểu kiến thức môn Toán; thường xuyên giải bài tập cho kết quả đúng, cách trình bày, diễn giải tốt, thực hiện phép tính nhanh; thể hiện sự yêu thích môn Toán hoặc tỏ ra hứng thú với các vấn đề liên quan đến môn Toán. Mức ĐG này nhằm ghi nhận và khích lệ, tuyên dương HS để tạo điều kiện tốt nhất cho các em phát huy nhiều nhất khả năng của mình đối với môn học hoặc hoạt động giáo dục nào đó.

- Nếu nhận thấy HS thường xuyên thực hiện được nhưng chưa tốt các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục, thì ĐGHS đạt mức “Hoàn thành”, chẳng hạn: đối với môn Toán, HS biết tiếp thu và hiểu kiến thức môn Toán; đôi lúc giải bài tập cho kết quả chưa đúng, bước đầu biết trình bày, diễn giải vấn đề đối với môn Toán, thực hiện được các phép tính cơ bản; thỉnh thoảng thể hiện sự hứng thú đối với một số vấn đề liên quan đến môn Toán. Mức ĐG này nhằm ghi nhận bước đầu HS đã hoàn thành các yêu cầu học tập, nhưng vẫn cần tích cực phấn đấu để có thể khơi dậy và phát huy hơn nữa khả năng của mình đối với môn học hoặc hoạt động giáo dục nào đó.

- Nếu sau khi thường xuyên giúp đỡ, dành nhiều thời gian để hướng dẫn nhưng nhận thấy HS vẫn thực hiện chưa được yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục, thì ĐGHS ở mức “Chưa hoàn thành”, chẳng hạn: đối với môn Toán, sau khi thường xuyên giúp đỡ, dành nhiều thời gian để hướng dẫn, nhưng HS vẫn tiếp thu chậm và chưa hiểu được kiến thức nào đó trong môn Toán; thường xuyên không biết giải hoặc giải bài tập cho kết quả chưa đúng, thực hiện được các phép tính cơ bản còn nhầm lẫn; hoặc thể hiện sự e ngại, thiếu hứng thú đối với một số vấn đề liên quan đến môn Toán. Mức ĐG này nhằm lưu ý cho HS, CMHS biết



HS cần nỗ lực phấn đấu để đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu về giáo dục và đạt chuẩn kiến thức kỹ năng đối với môn học hoặc hoạt động giáo dục nào đó.

Như vậy, kết quả lượng hóa ĐG thường xuyên thành các mức “Hoàn thành tốt”, “Hoàn thành”, “Chưa hoàn thành” cho phép GV, CBQLGD, CMHS xác định được mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, từ đó có những giải pháp giúp HS khắc phục hạn chế, phát huy tối đa khả năng của mình và ngày một tiến bộ hơn.

**2.2.** Việc kiểm tra định kì được tổ chức theo thời khóa biểu vào buổi học chính khoá, không gây áp lực, lo lắng, băn khoăn cho HS và CMHS.

Tuyên truyền, giải thích để GV, CMHS hiểu và nhận thức đúng về việc kiểm tra định kì: Bài kiểm tra định kì được GV sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm, góp ý những hạn chế của HS và được chấm điểm. Điểm của bài kiểm tra định kì không dùng để xếp loại HS hay để so sánh HS này với HS khác mà chủ yếu để GV, CMHS kiểm chứng lại việc nhận xét, ĐG thường xuyên quá trình học tập của HS sau một giai đoạn học tập (nửa học kì, học kì, năm học). Nếu kết quả bài kiểm tra định kì chưa phù hợp với các nhận xét, ĐG thường xuyên, GV cần xem xét, tìm hiểu nguyên nhân để có thể điều chỉnh cách dạy, cách hướng dẫn, giúp đỡ HS; có thể cho HS làm lại bài kiểm tra khác để xác định thực chất năng lực HS hay hiệu quả của các giải pháp giáo dục đã được áp dụng. Mục đích cuối cùng vẫn là vì sự tiến bộ của HS, nhằm giúp HS học được và học tốt.

### **2.3. Thiết kế đề bài kiểm tra theo 3 mức độ**

a) Quy trình xây dựng các câu hỏi, bài tập theo các mức độ như sau:

**Bước 1.** Xác định mục tiêu học tập và dự kiến câu hỏi, bài tập theo mục tiêu.

**Bước 2.** Xây dựng các đáp án có thể chấp nhận được và các đáp án sai mà học sinh thường mắc phải. Thông thường, sẽ có 3 loại lỗi thường gặp khi HS giải quyết một vấn đề là: *lỗi lưu trữ thông tin sai, xử lí thông tin, lỗi chú ý.*

**Bước 3.** Xác định những yếu tố khó của bài này; cách HS tiếp cận các yếu tố đó; dự kiến các bước để HS tiến hành làm bài như thế nào.

**Bước 4.** Tùy theo yêu cầu về mức độ câu hỏi và mục tiêu, có thể tăng hoặc giảm độ khó bằng cách tăng hay giảm thông tin trong câu hỏi.

### **2.4. Cách xây dựng một đề kiểm tra định kì**

a) Căn cứ thực tế yêu cầu giáo dục của địa phương, hiệu trưởng chỉ đạo (GV, tổ chuyên môn hoặc phó hiệu trưởng) ra đề kiểm tra định kì và tổ chức kiểm tra định kì, nên theo thời khóa biểu vào buổi học chính khoá (tránh áp lực cho HS và CMHS).

- Nội dung kiểm tra cần được xác định rõ ràng theo yêu cầu cần đạt môn học đến giữa học kì, trong học kì I hoặc cả năm học.

+ Các câu hỏi, bài tập trong đề kiểm tra có thể là câu hỏi trắc nghiệm khách quan (nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đúng – sai, nối) hoặc tự luận. Cần tăng cường loại câu hỏi mở, bài tập phát huy năng lực tư duy của HS.

+ Tỷ lệ số câu, số điểm theo các mức và hình thức câu hỏi trong đề kiểm tra (trắc nghiệm khách quan, tự luận, hình thức khác) do hiệu trưởng quyết định, đảm bảo yêu cầu cần đạt được môn học, phù hợp với đối tượng HS.

+ Tùy theo từng trường có thể đưa ra tỷ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, chẳng hạn: Mức 1: Khoảng 50%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: Khoảng 20%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 30 – 40 phút (theo thời gian của 1 tiết học theo từng lớp).

- Ma trận đề kiểm tra

+ *Ma trận nội dung*: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kỹ năng cần ĐG; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

+ *Ma trận câu hỏi*: mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

### **3. Ví dụ minh họa (lớp 1)**

#### **a) Môn Tiếng Việt**

- *Căn cứ để kiểm tra, đánh giá*: những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được quy định trong Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1.

- *Cấu trúc đề kiểm tra cuối học kì I*, gồm có :

+ Kiểm tra đọc (kết hợp kiểm tra nghe nói), có thể kiểm tra những nội dung sau:

- 1) Đọc thành tiếng các chữ cái và tổ hợp chữ cái ghi âm, ghi vần đã học;
- 2) Đọc tiếng và đọc từ kết hợp hiểu nghĩa từ có gợi ý bằng hình ảnh;

- 3) Đọc câu kết hợp với hiểu nghĩa có gợi ý bằng hình ảnh;
- 4) Đọc đoạn ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết được thông tin quan trọng trong đoạn.

+ Kiểm tra viết, có thể kiểm tra những nội dung sau:

- 1) Viết chữ cái, vần mới học;
- 2) Viết từ ngữ chứa tiếng có vần mới;
- 3) Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành câu;
- 4) Viết lại câu ngắn.

- *Cấu trúc đề kiểm tra cuối học kì II*, gồm có:

+ Kiểm tra đọc (kết hợp kiểm tra nghe nói), có thể kiểm tra những nội dung sau:

1) Đọc thành tiếng đoạn/bài ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết thông tin quan trọng trong đoạn/bài đọc.

2) Đọc hiểu đoạn/ bài ngắn;

+ Kiểm tra viết, có thể kiểm tra những nội dung sau:

- 1) Viết đúng từ ngữ theo quy tắc chính tả;
- 2) Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn;
- 3) Viết câu ngắn dựa trên gợi ý.

### **Ví dụ minh họa về kiểm tra học kì II (kiểm tra cuối năm) lớp 1:**

#### **\* Kiểm tra đọc (10 điểm)**

- **Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng cá nhân): (6 điểm)**

*Mục tiêu:* nhằm kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra kĩ năng nghe nói ở học kì II lớp 1.

HS đọc một đoạn văn / bài ngắn (có dung lượng theo quy định của Chương trình Tiếng Việt 1) không có trong sách giáo khoa (do GV lựa chọn và chuẩn bị trước)

+ HS trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu ra.

*Cách đánh giá, cho điểm:*

+ Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc; phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm

- + Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng): 1 điểm
  - + Âm lượng đọc vừa đủ nghe: 1 điểm
  - + Tốc độ đọc đạt yêu cầu (40 – 60 tiếng/1 phút): 1 điểm
  - + Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ: 1 điểm
  - + Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm
- Kiểm tra đọc hiểu (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 4 điểm**

*Mục tiêu:* nhằm kiểm tra kỹ năng đọc hiểu của học sinh theo quy định của Chương trình Tiếng Việt 1.

*Cách đánh giá, cho điểm:*

- + Điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nói...): 1 điểm.
- + Điểm tối đa cho mỗi câu trả lời câu hỏi mở (chủ yếu là câu hỏi ở mức 3): 1 điểm.

**Ma trận kiểm tra đọc hiểu:**

*Phân bố nội dung kiểm tra ở từng mức:* tùy theo từng trường có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, chẳng hạn: Mức 1: khoảng 50%; Mức 2: khoảng 30%; Mức 3: khoảng 20%.

*Ví dụ:*

**Ma trận câu hỏi kiểm tra đọc hiểu môn Tiếng Việt  
cuối năm lớp 1**

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
Đọc hiểu	Số câu	2 TN	1 TN	1 TL	<b>04</b>
	Câu số	Câu 1, 2	Câu 3	Câu 4	
	Số điểm	1	1	1	<b>04</b>

*\* Một số chỉ dẫn biên soạn đề kiểm tra đọc hiểu theo ma trận*

+ Bài đọc hiểu gồm 1 đoạn văn/bài ngắn không có trong sách giáo khoa. Tổng độ dài của văn bản văn học: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90- 130 chữ, thơ khoảng 50 – 70 chữ; văn bản thông tin khoảng 90 chữ. Thời gian đọc thầm/nhằm khoảng 3-4 phút.

+ Dạng câu hỏi TNKQ dùng trong đề kiểm tra gồm: câu hỏi 3-4 phương án trả lời để học sinh chọn 1 phương án trả lời, câu hỏi yêu cầu điền ngắn (một từ hoặc cụm từ ngắn), nối cặp đôi,...

+ Câu hỏi tự luận (câu hỏi mở) trong đề bài này là loại câu hỏi yêu cầu HS tự hình thành 1 câu trả lời đơn giản để: nêu ý kiến giải thích ngắn về một chi tiết trong đoạn/bài đọc, hoặc liên hệ đơn giản chi tiết trong bài với bản thân hoặc với thực tế cuộc sống...

+ Thời gian tính trung bình để học sinh làm một câu hỏi TNKQ: khoảng 2-3 phút; làm một câu hỏi tự luận: khoảng 4-5 phút.

**\* Bài kiểm tra viết (10 điểm)**

**- Kiểm tra viết chính tả (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh) (6 điểm):**

*Mục tiêu:* nhằm kiểm tra kỹ năng viết chính tả của học sinh ở học kì II.

*Nội dung kiểm tra:* GV đọc cho HS cả lớp viết (Chính tả nghe – viết) một đoạn văn (hoặc thơ) có độ dài khoảng 30 – 35 chữ. Tùy theo trình độ HS, GV có thể cho HS chép một đoạn văn (đoạn thơ) với yêu cầu tương tự.

*Thời gian kiểm tra:* khoảng 15 phút

*Hướng dẫn chấm điểm chi tiết :*

- + Tốc độ đạt yêu cầu (30 - 35 chữ/15 phút): 2 điểm
- + Chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ thường, cỡ nhỏ: 1 điểm
- + Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm
- + Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1 điểm

**- Kiểm tra (làm bài tập) chính tả và câu (4 điểm):**

*Mục tiêu* : nhằm kiểm tra kỹ năng viết các chữ có vần khó, các chữ mở đầu bằng: c/k, g/gh, ng/ngh; khả năng nhận biết cách dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi; bước đầu biết đặt câu đơn giản về người và vật xung quanh theo gợi ý.

*Thời gian kiểm tra*: 20 – 25 phút

*Nội dung kiểm tra và cách chấm điểm*:

- + Bài tập về chính tả âm vần (một số hiện tượng chính tả bao gồm: các chữ có vần khó, các chữ mở đầu bằng: c/k, g/gh, ng/ngh): 2 điểm
- + Bài tập về câu (bài tập nối câu, dấu câu; hoặc bài tập viết câu đơn giản, trả lời câu hỏi về bản thân hoặc gia đình, trường học, cộng đồng,... về nội dung bức tranh / ảnh): 2 điểm

*Thời gian kiểm tra*: khoảng 15 phút

# ĐỀ KIỂM TRA MINH HỌA MÔN TIẾNG VIỆT

## CUỐI NĂM LỚP 1

### A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

#### 1. Kiểm tra đọc thành tiếng (6 điểm)

#### 2. Kiểm tra đọc hiểu (4 điểm)

Đọc thầm bài và trả lời câu hỏi:

### MÓN QUÀ QUÝ



Mẹ con nhà thỏ sống trong một cánh rừng. Thỏ mẹ làm lụng suốt ngày để nuôi đàn con. Bầy thỏ con rất hiếu nôi vất vả của mẹ. Tết sắp đến, chúng bàn nhau chuẩn bị một món quà tặng mẹ. Món quà là một chiếc khăn trải bàn trắng tinh, được tô điểm bằng những bông hoa sắc màu lộng lẫy. Góc chiếc khăn là dòng chữ *Kính chúc mẹ vui, khoẻ* được thêu nắn nót bằng những sợi chỉ vàng.

Tết đến, thỏ mẹ cảm động nhận món quà của đàn con hiếu thảo. Thỏ mẹ

rất hạnh phúc và cảm thấy những mệt nhọc tiêu tan hết.

*Theo* CHUYỆN CỦA MÙA HẠ

**Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:**

**1. Bày tỏ con đã tặng mẹ món quà gì?**

- a) một chiếc khăn trải bàn
- b) một chiếc khăn quàng cổ
- c) một bông hoa lộng lẫy sắc màu

**2. Bày tỏ con tặng quà cho mẹ vào dịp nào?**

- a) vào dịp Tết
- b) vào ngày sinh của mẹ
- c) vào ngày hội của khu rừng

**3. Hành động của bày tỏ con cho thấy điều gì?**

- a) Bày tỏ rất chăm chỉ giúp đỡ mẹ.
- b) Bày tỏ rất thương yêu mẹ.
- c) Bày tỏ con rất dũng cảm.

**4. Câu chuyện muốn khuyên em điều gì?**

**Viết câu trả lời của em :**

.....  
.....

**b. Kiểm tra viết (10 điểm)**

**1. Chính tả nghe viết (6 điểm)**




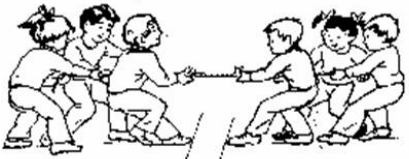


Vào mùa xuân, cây gạo bắt đầu bật ra những chiếc hoa đỏ hồng. Hoa gạo làm sáng bừng một góc trời quê. Trong vòm cây, tiếng đàn sáo ríu ran nói chuyện với nhau như một lớp học vừa tan.



*Theo Bằng Sơn*



## 2. Bài tập (4 điểm)

### Bài tập 1. Điền vào chỗ trống chữ c hoặc k: (1 điểm)

	
<p>a) Những chú ....á heo đang biểu diễn xiếc.</p>	<p>b) Cô giáo .....ẻ chuyện cho cả lớp nghe.</p>
	
<p>c) Những chú ...iến nhỏ xinh nói nhau đi đều tậm tấp.</p>	<p>d) Chúng em chơi kéo ...o rất vui.</p>

### Bài tập 2. Điền vào chữ in nghiêng dấu hỏi hoặc dấu ngã: (1 điểm)

	
---	---

a) Hoa cúc nở rộ <i>ở</i> trong vườn.	b) Hương hoa buổi ngan ngát, <i>toả</i> khắp khu vườn.
	
c) Những đóa râm bụt nở hoa <i>đỏ</i> chói.	d) Cây bàng được trồng ở <i>giữa</i> sân trường.

**Bài tập 3. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp (1 điểm)**

Nhà em
Những giọt sương
Hoa trong vườn
Mùa xuân

đua nhau khoe sắc thắm.
trồng rất nhiều hoa hồng.
là mùa hoa đào nở.
còn đọng lại trên những cánh hoa.

**Bài tập 4. Viết 1 - 2 câu phù hợp với nội dung tranh sau:**

Tranh vẽ các chú thỏ con đang làm việc nhà giúp mẹ: nấu cơm, quét nhà, ...

.....

.....

## b) Môn Toán

\*) Trước hết xác định nội dung môn Toán học kì I (54 tiết) hoặc khi hết năm học lớp 1 105 tiết).

- Phân phối tỉ lệ số câu, số điểm và các mức:

+ Xây dựng 10 câu hỏi trong đề kiểm tra gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tự luận, mỗi câu hỏi 1 điểm;

+ Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình, phân phối tỉ lệ theo mạch kiến thức: Số học: khoảng 80% (8 câu); Hình học và Đại lượng khoảng 20%

+ Tỉ lệ các mức: Mức 1: khoảng 50% (5 câu); Mức 2: khoảng 30% (3 câu); Mức 3: khoảng 20% (3 câu).

- Thời lượng làm bài kiểm tra: khoảng 30 phút.

\*) Ví dụ ma trận câu hỏi đề kiểm tra môn Toán cuối năm học lớp 1:

TT	Chủ đề		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Cộng
1	Số học	Số câu	04	02	02	08
		Câu số	1, 3, 4, 5	6, 7	9, 10	
2	Hình học và đo lường	Số câu	01	01		02
		Câu số	2	8		
TS câu			05	03	02	10

\*) Ví dụ đề kiểm tra môn Toán cuối năm học lớp 1:

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC MÔN TOÁN LỚP 1

(Thời gian làm bài: 30 phút)

1. Viết vào chỗ chấm:

a) Cách đọc các số: 43: .....	b) Số? Năm mươi tư: .....
----------------------------------	------------------------------

35: .....	Bảy mươi mốt: .....
-----------	---------------------

2. Viết tên các hình vào chỗ chấm

(Vẽ hình chữ nhật, tam giác, hình tròn và khối lập phương)

.....

3. Đặt tính rồi tính:

a)  $43 + 36$

b)  $86 - 25$

.....  
 .....  
 .....

4.  $<$ ,  $>$ ,  $=$  ?

$30 + 27 \dots 60$

$67 - 61 \dots 10$

$79 \dots 54 + 25$

5. Nói (theo mẫu:  $26 + 62$  với 88):

$26 + 62$

$31 + 57$

53

88

62

$85 - 32$

$76 - 14$

6. Tính :

a)  $95 - 35 + 20 = \dots\dots$

b)  $60 \text{ cm} + 27 \text{ cm} = \dots\dots$

7.  $>$ ,  $<$ ,  $=$  ?

$83 - 41 \dots\dots 21 + 30$

$100 \text{ cm} - 20 \text{ cm} \dots\dots 80 \text{ cm}$

8. Số?

Hôm nay là thứ hai, ngày 3 tháng năm; thứ hai tuần sau là ngày ..... tháng năm.

9. Viết vào chỗ trống cho thích hợp:

Sợi dây vải dài 80 cm, chị cắt lấy một đoạn dài 50 cm để buộc hộp quà tặng. Hỏi đoạn dây vải còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

--	--	--	--	--

Đoạn dây vải còn lại dài .....cm.

10. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

Khối lớp Một trường tiểu học Đông Hoa có bốn lớp: lớp 1A có 34 bạn, lớp 1B có 35 bạn, lớp 1C có 33 bạn, lớp 1D có 34 bạn.

- Lớp ..... có số bạn ít nhất.
- Lớp ..... đông nhất.
- Số bạn lớp 1A (*nhiều hơn/ít hơn*)..... số bạn lớp 1B.
- Số bạn lớp 1D (*nhiều hơn/ít hơn*)..... số bạn lớp 1C.

Hướng dẫn chấm: 10 điểm; mỗi bài 01 điểm.

## V. SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ

### 1. Tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục

a) Vào giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II và cuối năm học:

- Giáo viên dạy môn học căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kỳ về môn học, hoạt động giáo dục để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục của từng học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

- Giáo viên chủ nhiệm căn cứ vào kết quả đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kỳ về từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học sinh để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

b) Cuối năm học, căn cứ vào quá trình tổng hợp kết quả đánh giá về học tập từng môn học, hoạt động giáo dục và từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi, giáo viên chủ nhiệm thực hiện:

- Đánh giá kết quả giáo dục học sinh theo bốn mức:

+)  
+) Hoàn thành xuất sắc: Những học sinh có kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học của các môn học đạt 9 điểm trở lên;

+)  
+) Hoàn thành tốt: Những học sinh chưa đạt mức Hoàn thành xuất sắc, nhưng có kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục đạt mức Hoàn thành

tốt; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 7 điểm trở lên;

+ ) Hoàn thành: Những học sinh chưa đạt mức Hoàn thành xuất sắc và Hoàn thành tốt, nhưng có kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt hoặc Hoàn thành; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt hoặc Đạt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 5 điểm trở lên;

+ ) Chưa hoàn thành: Những học sinh không thuộc các đối tượng trên.

- Ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá giáo dục và các thành tích của học sinh được khen thưởng trong năm học vào Học bạ.

## **2. Hồ sơ đánh giá**

a) Hồ sơ đánh giá là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh; là thông tin để tăng cường sự phối hợp giáo dục học sinh giữa giáo viên, nhà trường với cha mẹ học sinh.

b) Hồ sơ đánh giá từng năm học của mỗi học sinh gồm Học bạ và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

- Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của các lớp được lưu trữ tại nhà trường theo quy định.

- Học bạ được nhà trường lưu trữ trong suốt thời gian học sinh học tại trường, được giao cho học sinh khi hoàn thành chương trình tiểu học hoặc chuyển trường.

## **3. Xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học**

a) Xét hoàn thành chương trình lớp học:

- Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học là những học sinh được đánh giá kết quả giáo dục ở một trong ba mức: Hoàn thành xuất sắc, Hoàn thành tốt, Hoàn thành.

- Đối với học sinh chưa được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học, giáo viên lập kế hoạch, hướng dẫn, giúp đỡ; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học.

- Đối với học sinh đã được hướng dẫn, giúp đỡ mà vẫn chưa đủ điều kiện hoàn thành chương trình lớp học, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, mức độ hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng để tổ chức kiểm tra, đánh giá và xem xét, quyết định việc được lên lớp hoặc chưa được lên lớp.

b) Xét hoàn thành chương trình tiểu học

Học sinh hoàn thành chương trình lớp 5 được xác nhận và ghi vào Học bạ: Hoàn thành chương trình tiểu học.

#### **4. Nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh**

a) Nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh nhằm đảm bảo tính khách quan và trách nhiệm của giáo viên về kết quả đánh giá học sinh; giúp giáo viên nhận học sinh vào năm học tiếp theo có đủ thông tin cần thiết để có kế hoạch, biện pháp giáo dục hiệu quả.

b) Hiệu trưởng chỉ đạo nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh:

- Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4: giáo viên chủ nhiệm trao đổi với giáo viên sẽ nhận học sinh vào năm học tiếp theo về những nét nổi bật hoặc hạn chế của học sinh và thực hiện bàn giao hồ sơ đánh giá học sinh.

- Đối với học sinh lớp 5: tổ chức coi, chấm bài kiểm tra có sự tham gia của giáo viên trường trung học cơ sở trên cùng địa bàn; giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh, bàn giao cho nhà trường.

- Các tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kỳ cho các khối lớp.

c) Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các nhà trường trên cùng địa bàn tổ chức nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6 phù hợp với điều kiện của các nhà trường và địa phương.

#### **5. Khen thưởng**

a) Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh:

- Khen thưởng cuối năm học:

+ ) Khen thưởng danh hiệu Học sinh Xuất sắc cho những học sinh được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức Hoàn thành xuất sắc;

+ ) Khen thưởng danh hiệu Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện cho những học sinh được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt, đồng thời có thành tích xuất sắc về ít nhất một môn học hoặc có tiến bộ rõ rệt ít nhất một phẩm chất, năng lực; được tập thể lớp công nhận.

- Khen thưởng đột xuất: học sinh có thành tích đột xuất trong năm học.

b) Học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Cán bộ quản lý và giáo viên có thể gửi thư khen cho những học sinh có thành tích, cố gắng trong quá trình học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực hoặc có những việc làm tốt.

Trong quá trình thực hiện việc khen thưởng học sinh, cán bộ quản lý và giáo viên cần thực hiện công tâm, khách quan, công bằng, khen thưởng những học sinh thực sự xuất sắc và xứng đáng, được tập thể lớp công nhận, đúng theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020. Trong đó, đối với khen thưởng cuối năm chỉ ghi trên giấy khen theo danh hiệu khen thưởng đạt được của học sinh.

Trong quá trình dạy học, cán bộ quản lý và giáo viên sử dụng linh hoạt hình thức thư khen nhằm động viên kịp thời những học sinh có thành tích, cố gắng trong quá trình học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực hoặc có những việc làm tốt”, giúp các em có thêm động lực cùng nhau rèn luyện tu dưỡng đạo đức, trau dồi kiến thức để không ngừng tiến bộ.

## **VI. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Đối với giáo viên,** Điều 16 trong Thông tư 27 nêu rõ:

### ***1.1. Giáo viên chủ nhiệm:***

+ Chịu trách nhiệm đánh giá, tổng hợp kết quả giáo dục học sinh trong lớp; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh cho lớp học sau.

+ Thông báo riêng cho cha mẹ học sinh về kết quả đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và đánh giá kết quả giáo dục của mỗi học sinh.



+ Hướng dẫn học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn. Tuyên truyền cho cha mẹ học sinh về nội dung và cách thức đánh giá theo Quy định này; phối hợp và hướng dẫn cha mẹ học sinh tham gia vào quá trình đánh giá.

### **1.2. Giáo viên giảng dạy môn học:**

+ Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh đối với môn học, hoạt động giáo dục theo quy định.

+ Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng lớp, cha mẹ học sinh thực hiện việc đánh giá học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh; nghiệm thu kết quả giáo dục học sinh.

+ Hướng dẫn học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn.

**1.3. Giáo viên** theo dõi sự tiến bộ của học sinh, ghi chép những lưu ý với học sinh có nội dung chưa hoàn thành hoặc có tiến bộ trong học tập và rèn luyện.

### **2. Đối với hiệu trưởng nhà trường, Điều 15 nêu rõ:**

2.1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức, tuyên truyền thực hiện đánh giá học sinh theo Quy định này; đảm bảo chất lượng đánh giá; báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Tôn trọng quyền tự chủ của giáo viên trong việc thực hiện quy định đánh giá học sinh.

2.3. Chỉ đạo việc ra đề kiểm tra định kỳ; xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh; xác nhận kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; xét lên lớp; quản lý hồ sơ đánh giá học sinh.

2.4. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị về đánh giá học sinh trong phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.

### **3 Đối với Phòng GDĐT và Sở GDĐT, Điều 14 nêu rõ:**

3.1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn.

- Hướng dẫn sử dụng hồ sơ đánh giá, Học bạ của học sinh trong trường hợp triển khai hồ sơ đánh giá, Học bạ điện tử.

- Định kỳ mỗi năm một lần, tại thời điểm kết thúc năm học, báo cáo kết quả tổ chức thực hiện đánh giá học sinh tiểu học về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo hiệu trưởng tổ chức thực hiện đánh giá, nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh tiểu học trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này tại địa phương.